| | |
|---|---|
| TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM<br>**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG**<br>**VICEM SÔNG THAO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 577/XMST-KHCL<br>*V/v: Mời chào giá cạnh tranh gói mua sắm Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I/2020* | *Phú Thọ, ngày 02 tháng 6 năm 2020* |

Kính gửi: Các Nhà cung cấp tham gia chào giá
Gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020

Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao có nhu cầu mua sắm gói: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020 (Ký hiệu XMST/2020/DVSCĐI). Chi tiết yêu cầu trong thư mời chào giá cạnh tranh gửi kèm. Được biết quý Công ty là đơn vị có đủ năng lực thực hiện gói mua sắm nêu trên. Công ty Cổ phần xi măng Vicem Sông Thao trân trọng mời Quý công ty xem xét và gửi thư chào giá cạnh tranh theo nội dung yêu cầu tại thư mời chào giá.

Thời điểm hết hạn nộp thư báo giá vào **hồi 10h00', ngày 08/6/2020.**

Thư báo giá sẽ được mở công khai vào **hồi 10h15', ngày 08/6/2020.**

Các văn bản hướng dẫn liên quan đến thư chào giá đã được Công ty cổ phần xi măng VICEM Sông Thao đăng trên Website địa chỉ (https://www.ximangsongthao.com.vn) mục mua sắm.

Điện thoại liên hệ Mr Cúc: 0967. 389.681.

Rất mong nhận được sự quan tâm, hợp tác của Quý công ty./.

***Nơi nhận:***
- Như trên;
- Phòng KHCL;
- Tổ xét giá;
- Lưu: VT, KHCL.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC**
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO

**Nguyễn Anh Tuấn**

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

**----- o0o -----**

# THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

**Tên gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020**

**(Ký hiệu: XMST/2020/DVSC ĐI)**

**Bên mời chào giá: CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

*Phú Thọ, tháng 6/2020*

TỔNG CÔNG TY XI MĂNG VIỆT NAM

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

**----- o0o -----**

# THƯ MỜI CHÀO GIÁ CẠNH TRANH THÔNG THƯỜNG

| | |
|---|---|
| **Ký hiệu gói mua sắm:** | XMST/2020/DVSCĐI |
| **Tên gói mua sắm:** | Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020 |
| **Phát hành ngày** | 02/6/2020 |

**Phòng KHCL**

**Bùi Thu Phương**

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**

KT/ TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 2600279082 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO - H. THANH BA - T. PHÚ THỌ

Nguyễn Anh Tuấn

## TỪ NGỮ VIẾT TẮT

| | |
|---|---|
| TMCGCT | Thư mời chào giá cạnh tranh |
| TCG | Thư chào giá |
| VND | Đồng Việt Nam |
| Chủ đầu tư, Bên mời chào giá | Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao |
| NCC | Nhà cung cấp, là đơn vị tham gia chào giá gói mua sắm này |

## Chương I. CHỈ DẪN NHÀ CUNG CẤP

### Mục 1. Phạm vi gói mua sắm

1. Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mời nhà cung cấp tham gia chào giá cạnh tranh thông thường gói mua sắm được mô tả tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

- Tên gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020 (ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐI).

2. Nguồn vốn để thực hiện gói mua sắm: Chi phí SXKD năm 2020.

3. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

4. Thời gian thực hiện công việc: 12 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc.

### Mục 2. Hành vi bị cấm trong chào giá.

Được quy định cụ thể và đăng trên trang web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao mục Mua sắm=>Văn bản hướng dẫn.

### Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp là tổ chức có tư cách hợp lệ khi đáp ứng các điều kiện sau đây:

1. Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền cấp;

2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật;

5. Bảo đảm cạnh tranh trong tham gia chào giá:

Nhà cung cấp nộp Thư chào giá phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và các nhà cung cấp khác cùng tham dự chào giá gói mua sắm này.

### Mục 4. Làm rõ, sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh

1. Làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trong trường hợp cần làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh, nhà cung cấp phải gửi văn bản đề nghị làm rõ đến bên mời chào giá muộn nhất 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Khi nhận được đề nghị làm rõ Thư mời chào giá cạnh tranh của nhà cung cấp, bên mời chào giá sẽ có văn bản trả lời gửi cho nhà cung cấp có yêu cầu làm rõ và tất cả các nhà cung cấp khác đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh từ bên mời chào giá cạnh tranh, trong đó mô tả nội dung yêu cầu làm rõ nhưng không nêu tên nhà cung cấp đề nghị làm rõ. Trường hợp việc làm rõ dẫn đến phải sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh thì bên mời chào giá tiến hành sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh theo thủ tục quy định tại Khoản 2 Mục này.

2. Sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

Trường hợp sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá sẽ gửi những nội dung sửa đổi đến tất cả các nhà cung cấp đã nhận Thư mời chào giá cạnh tranh không muộn 03 ngày làm việc trước ngày có thời điểm hết hạn, trường hợp không đủ 03 ngày làm việc thì bên mời chào giá sẽ gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh tương ứng.

Nhằm giúp nhà cung cấp có đủ thời gian để sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh, bên mời chào giá có thể gia hạn thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh theo quy định tại khoản 1 Mục 11 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp bằng việc sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh.

**Mục 5. Chi phí, đồng tiền, ngôn ngữ trong chào giá**

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VND.

3. Thư chào giá cũng như tất cả văn bản và các tài liệu liên quan đến Thư chào giá được trao đổi giữa bên mời chào giá và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Thư chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, bên mời chào giá có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi bổ sung.

**Mục 6. Thành phần của Thư chào giá**

Thư chào giá do nhà cung cấp chuẩn bị phải bao gồm:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01 Chương III – Biểu mẫu;

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng, của nhà cung cấp;

3. Bảng tổng hợp giá chào theo Mẫu số 05A Chương III – Biểu mẫu;

4. Bản cam kết thực hiện gói mua sắm theo Mẫu số 08 Chương III – Biểu mẫu

5. Hợp đồng tương tự chứng minh năng lực và kinh nghiệm - Mẫu số 09;

6. Danh mục Hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ - Theo mẫu số 10.

7. Biện pháp thi công chi tiết tháo dỡ, bảo dưỡng, sửa chữa các thiết bị chủ yếu;

8. Dự thảo hợp đồng điền đầy đủ thông tin theo mẫu.

**Mục 7. Giá chào và giảm giá**

1. Giá chào ghi trong đơn chào hàng bao gồm toàn bộ chi phí để thực hiện gói mua sắm (chưa tính giảm giá) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

2. Nhà cung cấp phải nộp Thư chào giá thực hiện cho gói mua sắm nêu tại Mục 1 Chương này và ghi đơn giá, thành tiền cho các công việc nêu trong các bảng giá tương ứng quy định tại Chương III - Biểu mẫu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá với đúng giá đã chào.

3. Trường hợp nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể ghi trực tiếp vào đơn

chào hàng hoặc đề xuất riêng trong thư giảm giá. Trường hợp giảm giá, nhà cung cấp phải nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Trường hợp có thư giảm giá thì thư giảm giá có thể để cùng trong Thư chào giá hoặc nộp riêng song phải bảo đảm bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư giảm giá sẽ được bên mời chào giá bảo quản như một phần của Thư chào giá và được mở đồng thời cùng Thư chào giá của nhà cung cấp; trường hợp thư giảm giá không được mở cùng Thư chào giá và không được ghi vào biên bản mở Thư chào giá thì không có giá trị.

4. Giá chào của nhà cung cấp phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định. Trường hợp nhà cung cấp tuyên bố giá chào không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Thư chào giá của nhà cung cấp sẽ bị loại.

**Mục 8. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá.**

1. Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá là **40 ngày**, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Thư chào giá nào có thời hạn hiệu lực ngắn hơn quy định sẽ không được tiếp tục xem xét, đánh giá.

2. Trong trường hợp cần thiết trước khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá, bên mời chào giá có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của Thư chào giá. Việc gia hạn, chấp nhận hoặc không chấp nhận gia hạn phải được thể hiện bằng văn bản. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia hạn thì Thư chào giá của nhà cung cấp này không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của Thư chào giá.

**Mục 9. Bảo đảm dự chào giá: Không áp dụng.**

**Mục 10. Quy cách Thư chào giá**

1. Nhà cung cấp phải chuẩn bị **01 bản gốc** cùng **01 bản chụp** Thư chào giá đồng thời ghi bên ngoài hồ sơ và túi đựng tương ứng là "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ".

Trường hợp sửa đổi, thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc và các bản chụp hồ sơ sửa đổi, thay thế với số lượng bằng số lượng bản chụp Thư chào giá đã nộp. Trên trang bìa của các hồ sơ và túi đựng tương ứng phải ghi rõ "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ SỬA ĐỔI", "BẢN GỐC THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ", "BẢN CHỤP THƯ CHÀO GIÁ THAY THẾ".

2. Túi đựng Thư chào giá, Thư chào giá sửa đổi, Thư chào giá thay thế của nhà cung cấp phải được niêm phong và ghi rõ tên gói mua sắm, tên nhà cung cấp, tên bên mời chào giá. Bên mời chào giá có trách nhiệm bảo mật thông tin trong Thư chào giá của nhà cung cấp.

3. Tất cả các thành phần của Thư chào giá nêu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp phải được ký bởi người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo Giấy

ủy quyền hợp lệ (nếu ủy quyền) theo quy định tại Chương III – Biểu mẫu.

4. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính thống nhất giữa bản gốc và bản chụp. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp nhưng không làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì căn cứ vào bản gốc để đánh giá. Trường hợp có sự sai khác giữa bản gốc và bản chụp dẫn đến kết quả đánh giá trên bản gốc khác kết quả đánh giá trên bản chụp, làm thay đổi thứ tự xếp hạng nhà cung cấp thì Thư chào giá của nhà cung cấp bị loại.

5. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký đơn chào hàng.

**Mục 11. Nộp, rút, thay thế và sửa đổi Thư chào giá**

1. Nhà cung cấp nộp trực tiếp hoặc gửi Thư chào giá theo đường bưu điện đến địa chỉ của bên mời chào giá nhưng phải đảm bảo bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá là: **hồi 10 giờ 00' ngày 08 tháng 6 năm 2020.**

2. Bên mời cung cấp sẽ tiếp nhận Thư chào giá của tất cả nhà cung cấp nộp Thư chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, kể cả trường hợp nhà cung cấp chưa nhận Thư mời chào giá cạnh tranh trực tiếp từ bên mời chào giá. Trường hợp nhà cung cấp nộp Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư mời chào giá cạnh tranh thì Thư chào giá bị loại và được trả lại nguyên trạng cho nhà cung cấp.

3. Sau khi nộp, nhà cung cấp có thể rút lại Thư chào giá bằng cách gửi văn bản thông báo có chữ ký của người đại diện hợp pháp của nhà cung cấp đến bên mời chào giá trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

Trước thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nếu cần sửa đổi hoặc thay thế Thư chào giá thì nhà cung cấp nộp Thư chào giá thay thế hoặc Thư chào giá sửa đổi cho bên mời chào giá với cách ghi thông tin nêu tại khoản 1, khoản 2 Mục 10 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

**Mục 12. Mở Thư chào giá**

1. Thư chào giá sẽ được mở công khai vào hồi **hồi 10 giờ 15'ngày 08 tháng 6 năm 2020.**

2. Việc mở Thư chào giá được thực hiện đối với từng Thư chào giá theo thứ tự chữ cái tên của nhà cung cấp và theo trình tự sau đây:

a) Kiểm tra niêm phong;

b) Mở bản gốc Thư chào giá và đọc to, rõ tối thiểu những thông tin sau: tên nhà cung cấp, bản gốc, số lượng bản chụp, giá chào ghi trong đơn và bảng tổng hợp giá chào, giá trị giảm giá (nếu có), thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, thời gian thực hiện hợp đồng và các thông tin khác mà bên mời chào giá thấy cần thiết. Chỉ những thông tin về giảm giá được đọc trong lễ mở Thư chào giá mới được tiếp tục xem xét và đánh giá;

c) Đại diện của bên mời chào giá phải ký xác nhận vào bản gốc đơn chào hàng, giấy

ủy quyền, bảng tổng hợp giá chào, thư giảm giá (nếu có), bản cam kết thực hiện gói mua sắm. Bên mời chào giá không được loại bỏ bất kỳ Thư chào giá nào khi mở Thư chào giá, trừ các Thư chào giá nộp sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá.

3. Bên mời chào giá phải lập biên bản mở Thư chào giá trong đó bao gồm các thông tin quy định tại khoản 2 Mục này. Biên bản mở Thư chào giá phải được ký xác nhận bởi đại diện của bên mời chào giá và các nhà cung cấp tham dự lễ mở Thư chào giá. Việc thiếu chữ ký của nhà cung cấp trong biên bản sẽ không làm cho biên bản mất ý nghĩa và mất hiệu lực. Biên bản mở Thư chào giá sẽ được gửi cho tất cả các nhà cung cấp tham dự chào giá.

**Mục 13. Làm rõ Thư chào giá**

1. Sau khi mở Thư chào giá, nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Thư chào giá theo yêu cầu của bên mời chào giá, bên mời chào giá sẽ có văn bản yêu cầu nhà cung cấp làm rõ Thư chào giá của nhà cung cấp.

2. Nhà cung cấp được tự gửi tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực, kinh nghiệm của mình đến bên mời chào giá sau 01 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá. Bên cung cấp có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của nhà cung cấp để xem xét, đánh giá; các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực và kinh nghiệm được coi như một phần của Thư chào giá.

3. Việc làm rõ phải bảo đảm không làm thay đổi bản chất của nhà cung cấp, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Thư chào giá đã nộp và không thay đổi giá chào.

**Mục 14. Nhà cung cấp phụ: Không áp dụng.**

**Mục 15. Ưu đãi trong lựa chọn nhà cung cấp: Không áp dụng.**

**Mục 16. Đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng**

1. Việc đánh giá Thư chào giá được thực hiện theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá . Nhà cung cấp có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giảm giá thấp nhất được xếp hạng thứ nhất và được mời vào thương thảo hợp đồng.

2. Việc thương thảo hợp đồng dựa trên các tài liệu sau: Báo cáo đánh giá Thư chào giá, Thư chào giá và các tài liệu làm rõ Thư chào giá (nếu có) của nhà cung cấp; Thư mời chào giá.

3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng như sau:

a) Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung nhà cung cấp đã chào theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

b) Trong quá trình đánh giá Thư chào giá và thương thảo hợp đồng, nếu phát hiện hạng mục công việc, khối lượng mời chào giá nêu trong Bảng tổng hợp giá chào thiếu so với hồ sơ thiết kế thì bên mời chào giá yêu cầu nhà cung cấp bổ sung khối lượng công việc thiếu đó trên cơ sở đơn giá đã chào; trường hợp trong Thư chào giá chưa có đơn giá thì bên mời chào giá xem xét, quyết định việc áp đơn giá nêu trong dự toán đã phê duyệt đối với khối lượng công việc thiếu so với hồ sơ thiết kế hoặc đơn giá của nhà cung cấp khác đã vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật nếu đơn giá này thấp hơn đơn giá đã phê duyệt trong dự toán gói mua sắm;

c) Khi thương thảo hợp đồng đối với phần sai lệch thiếu, trường hợp trong Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng với phần sai lệch thì phải lấy mức đơn giá chào thấp nhất trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật hoặc lấy mức đơn giá trong dự toán được duyệt nếu chỉ có duy nhất nhà cung cấp này vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở thương thảo đối với sai lệch thiếu đó.

4. Nội dung thương thảo hợp đồng:

a) Thương thảo về những nội dung chưa đủ chi tiết, chưa rõ hoặc chưa phù hợp, thống nhất giữa Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá, giữa các nội dung khác nhau trong Thư chào giá có thể dẫn đến các phát sinh, tranh chấp hoặc ảnh hưởng đến trách nhiệm của các bên trong quá trình thực hiện hợp đồng;

b) Thương thảo về các sai lệch do nhà cung cấp phát hiện và đề xuất trong Thư chào giá (nếu có);

c) Thương thảo về các vấn đề phát sinh trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp (nếu có) nhằm mục tiêu hoàn thiện các nội dung chi tiết của gói mua sắm;

d) Thương thảo về các nội dung cần thiết khác.

5. Trong quá trình thương thảo hợp đồng, các bên tham gia thương thảo tiến hành hoàn thiện dự thảo văn bản hợp đồng và phụ lục hợp đồng. Trường hợp thương thảo không thành công, chủ đầu tư xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo.

**Mục 17. Điều kiện xét duyệt trúng cung cấp**

Nhà cung cấp được xem xét, đề nghị trúng cung cấp khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Thư chào giá hợp lệ;

2. Có năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 2 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

3. Các nội dung về kỹ thuật đáp ứng yêu cầu quy định tại Mục 3 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá;

4. Có sai lệch thiếu không quá 10% giá chào;

5. Có giá đánh giá thấp nhất;

6. Có giá đề nghị trúng cung cấp không vượt giá gói mua sắm được phê duyệt.

**Mục 18. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp**

1. Kết quả lựa chọn nhà cung cấp sẽ được gửi đến tất cả nhà cung cấp tham dự chào giá theo đường bưu điện, fax và đăng tải kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên trang Web của Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao và/hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác sau 03 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

2. Sau khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn cung cấp, nếu nhà cung cấp không được lựa chọn có văn bản hỏi về lý do không được lựa chọn thì trong thời gian tối đa 05 ngày làm việc nhưng phải trước ngày ký hợp đồng, bên mời cung cấp sẽ có văn bản trả

lời gửi cho nhà cung cấp.

**Mục 19. Điều kiện ký kết hợp đồng**

1. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, Thư chào giá của nhà cumng cấp được lựa chọn còn hiệu lực.

2. Tại thời điểm ký kết hợp đồng, nhà cung cấp được lựa chọn phải bảo đảm vẫn đáp ứng yêu cầu về năng lực để thực hiện gói mua sắm. Trường hợp cần thiết, chủ đầu tư tiến hành xác minh thông tin về năng lực, kinh nghiệm của nhà cung cấp theo quy định tại Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. Kết quả xác minh khẳng định là nhà cung cấp vẫn đáp ứng năng lực để thực hiện gói mua sắm thì mới tiến hành ký kết hợp đồng. Nếu kết quả xác minh cho thấy tại thời điểm xác minh, thực tế nhà cung cấp không còn đáp ứng cơ bản yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm quy định trong Thư mời chào giá cạnh tranh thì nhà cung cấp sẽ bị từ chối ký kết hợp đồng. Khi đó, chủ đầu tư sẽ hủy quyết định trúng cung cấp trước đó và mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào thương thảo hợp đồng.

3. Chủ đầu tư phải bảo đảm các điều kiện về, vốn thanh toán, mặt bằng thực hiện và các điều kiện cần thiết khác để triển khai thực hiện gói mua sắm theo đúng tiến độ.

**Mục 20. Thay đổi khối lượng hàng hóa**

Vào thời điểm ký kết hợp đồng, bên mời chào giá có quyền tăng hoặc giảm khối lượng hàng hóa và dịch vụ nêu tại Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm với điều kiện không có bất kỳ thay đổi nào về đơn giá hay các điều kiện, điều khoản khác của Thư mời chào giá cạnh tranh và Thư chào giá.

**Mục 21. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (Không áp dụng).**

**Mục 22. Giải quyết kiến nghị trong chào giá**

1. Nhà cung cấp có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình tham gia chào giá cạnh tranh khi thấy quyền, lợi ích của mình bị ảnh hưởng.

2. Địa chỉ nhận đơn kiến nghị:

a) Địa chỉ nhận đơn kiến nghị của chủ đầu tư:

Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Địa chỉ: Khu 9 xã Ninh Dân huyện Thanh Ba tỉnh Phú Thọ

Tel: 02103.884.927 Fax:02103.884.929;

b) Địa chỉ bộ phận thường trực:

Phòng Kế hoạch chiến lược – Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao

Liên hệ: Mr Cúc (SĐT: 0967.389.681).

## Chương II. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ THƯ CHÀO GIÁ

### Mục 1. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.

**1.1. Kiểm tra Thư chào giá.**

a) Kiểm tra số lượng bản chụp Thư chào giá;

b) Kiểm tra các thành phần của Thư chào giá theo yêu cầu tại Mục 6 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

c) Kiểm tra sự thống nhất nội dung giữa bản gốc và bản chụp để phục vụ quá trình đánh giá chi tiết Thư chào giá.

**1.2. Tiêu chí đánh giá tính hợp lệ của Thư chào giá.**

Thư chào giá của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a) Có bản gốc Thư chào giá;

b) Có đơn chào giá được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có) theo yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh;

c) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào giá phải đáp ứng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

d) Giá chào ghi trong đơn chào giá phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với bảng tổng hợp giá chào, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư, bên mời chào giá;

đ) Thời gian có hiệu lực của Thư chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 8 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp;

e) Có bảo đảm dự chào giá đáp ứng yêu cầu nêu tại Mục 9 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp (*không áp dụng*);

g) Không có tên trong hai hoặc nhiều Thư chào giá với tư cách là nhà cung cấp;

i) Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3 Chương I – Chỉ dẫn nhà cung cấp.

Nhà cung cấp có Thư chào giá hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực, kinh nghiệm.

### Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Việc đánh giá về năng lực và kinh nghiệm được thực hiện theo Bảng tiêu chuẩn dưới đây:

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

| Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm | | | Các yêu cầu cần tuân thủ | Tài liệu cần nộp |
|---|---|---|---|---|
| **TT** | **Mô tả** | **Yêu cầu** | **Nhà cung cấp phải đáp ứng** | |
| 2.1 | Lịch sử không hoàn thành hợp đồng | Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, nhà cung cấp không có hợp đồng không hoàn thành. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 06 |
| **2.2** | Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tương tự | - Từ ngày 01/01/2017 đến thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá, Nhà cung cấp phải có ít nhất 02 hợp đồng sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí trong đó có sửa chữa hạng mục máy nghiền đứng; thay thế ghi nhà lạnh, trục và bạc lò nung clinker, có qui mô tương đương với gói mua sắm này. | Phải thỏa mãn yêu cầu này | Mẫu số 05 |

**2.5. Nhà cung cấp phụ đặc biệt (nếu có): Không áp dụng.**

**Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật**

**TCĐG theo tiêu chí "đạt", "không đạt"**

**3.1.Biện pháp thi công:**

| STT | Nội dung | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| 1 | Nhà cung cấp phải lập Biện pháp thi công chi tiết đảm bảo tiến độ, chất lượng; an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường. Cụ thể:<br>+ Biện pháp thi công chi tiết cho công tác bảo dưỡng, sửa chữa những thiết bị chính trong đợt sửa chữa:<br>*- Thay thế hệ thống ghi 1 và ghi 2 – Xưởng Clinker;*<br>*- Thay thế bạc lò bệ số 01 (gối 1.1 đến 1.4) và bệ lò số 03 (gối 3.3 và 3.4);*<br>*- Thay vòng bi HGT phân ly máy nghiền than;*<br>*- Sửa chữa gầu nâng 15C.06;*<br>*- Phục hồi lại van quay cấp liệu 12/16.01.*<br>+ Tiến độ thi công chi tiết cho các hang mục công việc (*có biểu đồ huy động nhân lực kèm theo*);<br>+ Danh mục máy móc thiết bị và nhân lực Nhà cung cấp sẽ huy động phục vụ công việc (*nêu rõ tên máy móc thiết bị, số lượng, công suất, tình trạng máy móc thiết bị; số lượng cán bộ công nhân, loại thợ, bậc thợ...).*<br>+ Biện pháp đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.<br>+ Biện pháp đảm bảo tiến độ thi công nhằm đáp ứng thời gian phải hoàn thành công việc theo yêu cầu của Bên mời chào giá;<br>+ Biện pháp đảm bảo chất lượng công trình.<br>Bên mời chào giá sẽ xem xét, đánh giá tính phù hợp, khả thi trong Biện | Biện pháp thi công được đánh giá là đạt khi: có Biện pháp thi công hợp lý, có Biện pháp thi công chi tiết cho thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị chính, huy động đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công, sử dụng thiết bị thi công phù hợp cho công việc | Biện pháp thi công được đánh giá không đạt khi: Biện pháp thi công không hợp lý, không có Biện pháp thi công chi tiết cho thay thế, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị chính, không huy động đủ nhân lực, máy móc thiết bị thi công, sử dụng thiết bị thi công phù hợp cho công việc. |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | pháp thi công do Nhà cung cấp lập trong Thư chào giá khi xem xét đánh giá Thư chào giá theo tiêu chí đánh giá đạt/không đạt. | | |

## 3.2. Yêu cầu kỹ thuật và điều kiện nghiệm thu cụ thể như sau:

| Stt | Nội dung | Mức độ đáp ứng | |
|---|---|---|---|
| | | **Đạt** | **Không đạt** |
| **I** | **Yêu cầu kỹ thuật:** | | |
| 1 | Thực hiện công việc tháo dỡ, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị phải đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt; đảm bảo an toàn cho người và thiết bị | Đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu | Không đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật Bên A yêu cầu |
| 2 | Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:<br>+ TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản.<br>+ TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.<br>+ TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu;<br>+ TCXD 187: 1996 - Khớp nối trục - Sai số lắp đặt.<br>+ TCXD 181:1996 - Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt;<br>+ TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt; | | |
| 3 | Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đảm bảo đúng yêu cầu kỹ thuật:<br>+ Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt đủ lực xiết;<br>+ Các mối liên kết bằng hàn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật | | |
| 4 | Các thiết bị sau khi sửa chữa, bảo dưỡng hoặc thay thế được đưa vào chạy thử không tải và chạy thử có tải trong 72 giờ. Sau khi chạy thử không tải và có tải thiết bị phải làm việc ổn định, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế | | |
| **II** | **Điều kiện nghiệm thu** | | |
| | Việc nghiệm thu được thực hiện theo 3 bước: | | |
| 1 | Nghiệm thu lắp đặt tĩnh: Khi Bên B hoàn thành các công việc, thiết bị đã được sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu tĩnh cho phép tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải thiết bị theo qui trình | Cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra | Không cam kết tuân thủ qui trình, điều kiện nghiệm thu Bên A đưa ra |
| 2 | Nghiệm thu chạy thử không tải và chạy có tải: Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu tĩnh, Hai Bên tiến hành chạy thử không tải và chạy có tải thiết bị theo qui trình. Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy có tải | | |
| 3 | Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: Sau khi thiết bị đưa vào chạy thử có tải đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc bàn giao đưa vào sử dụng | | |

| | | | |
|---|---|---|---|
| | Với mỗi bước nghiệm thu, Bên A sẽ từ chối nghiệm thu nếu qua kiểm tra, đánh giá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khi đó, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu | | |
| **III** | **Tiến độ hoàn thành:**<br>Thời điểm thực hiện: Theo Kế hoạch sửa chữa của Bên A (dự kiến cuối tháng 6 đầu tháng 7 năm 2020).<br>Thời gian thực hiện: 12 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc. Bên A sẽ thông báo cho Bên B biết trước về thời điểm thực hiện là 05 ngày làm việc để Bên B chuẩn bị công việc | Cam kết thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu. Thời gian thực hiện: không quá 12 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc. | Không cam kết thực hiện đúng thời điểm Bên A yêu cầu. Thời gian thực hiện: dài quá 12 ngày, kể từ ngày bắt đầu thực hiện công việc. |

Thư chào giá được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về mặt kỹ thuật khi có tất cả nội dung yêu cầu đều được đánh giá là "đạt".

**Mục 4. Xác định giá chào**

Cách xác định giá chào thấp nhất theo các bước sau:

Bước 1: Xác định giá chào;

Bước 2: Sửa lỗi thực hiện theo quy định tại ghi chú (1);

Bước 3: Hiệu chỉnh sai lệch thực hiện theo quy định tại ghi chú (2);

Bước 4: Xác định giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 5: Xếp hạng nhà cung cấp. Thư chào giá có giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

Ghi chú:

(1) Sửa lỗi:

Việc sửa lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây:

a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá chào. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi. Trường hợp tại cột "đơn giá" và cột "thành tiền" nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là nhà cung cấp đã phân bổ giá của công việc này vào các công việc khác thuộc gói mua sắm, nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện hoàn thành các công việc này theo đúng yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh và được thanh toán theo đúng giá đã chào.

b) Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Bước 3;

- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu nêu trong Thư mời chào giá cạnh tranh;

- Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu "," (dấu phẩy) thay cho dấu "." (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam. Khi bên mời chào giá cho rằng dấu phẩy hoặc dấu chấm trong đơn giá nhà cung cấp chào rõ ràng đã bị đặt sai chỗ thì trong trường hợp này thành tiền của hạng mục sẽ có ý nghĩa quyết định và đơn giá sẽ được sửa lại;

- Nếu có sai sót khi cộng các khoản tiền để ra tổng số tiền thì sẽ sửa lại tổng số tiền theo các khoản tiền;

- Nếu có sự khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý.

(2) Hiệu chỉnh sai lệch:

a) Trường hợp có sai lệch về phạm vi cung cấp thì giá trị phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, giá trị phần chào thừa sẽ được trừ đi theo mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch;

Trường hợp một hạng mục trong Thư chào giá của nhà cung cấp có sai lệch không có đơn giá thì lấy mức đơn giá cao nhất đối với hạng mục này trong số các Thư chào giá của nhà cung cấp khác vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật để làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch; trường hợp trong Thư chào giá của các nhà cung cấp vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật không có đơn giá của hạng mục này thì lấy đơn giá trong dự toán được duyệt của gói mua sắm làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch;

Trường hợp chỉ có một nhà cung cấp duy nhất vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật thì tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở lấy mức đơn giá tương ứng trong Thư chào giá của nhà cung cấp này; trường hợp Thư chào giá của nhà cung cấp không có đơn giá tương ứng thì lấy đơn giá trong dự toán gói mua sắm được duyệt làm cơ sở hiệu chỉnh sai lệch.

b) Trường hợp nhà cung cấp có thư giảm giá, việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Tỷ lệ phần trăm (%) của sai lệch thiếu được xác định trên cơ sở so với giá chào ghi trong đơn chào hàng.

## Chương III. BIỂU MẪU

**Mẫu số 01**

## ĐƠN CHÀO HÀNG[1]

Ngày:____ *[Điền ngày tháng năm ký đơn chào hàng]*

Tên gói mua sắm: _____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm]*

Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh và văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số___*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi,____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại ____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết thực hiện gói mua sắm ____*[Ghi tên gói mua sắm]* theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá với tổng số tiền là ____*[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]*[2] cùng với biểu giá kèm theo.

Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian để thực hiện xong tất cả nội dung công việc theo yêu cầu của gói mua sắm]*[3].

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Thư chào giá này với tư cách là nhà cung cấp.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong chào giá.

4. Không thực hiện hành vi bị cấm trong chào giá theo quy định của Bên mời chào giá khi tham dự gói mua sắm này.

5. Những thông tin kê khai trong Thư chào giá là trung thực.

Thư chào giá này có hiệu lực trong thời gian 40 ngày[4], kể từ ngày hết hạn nộp thư chào giá..

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[5]**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp lưu ý điền đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của bên mời chào giá, nhà cung cấp, thời gian có hiệu lực của Thư chào giá, được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên, đóng dấu (nếu có).

(2) Giá chào ghi trong đơn chào hàng phải cụ thể, cố định bằng số, bằng chữ và phải phù hợp, logic với tổng giá chào hàng ghi trong biểu giá tổng hợp, không đề xuất các giá chào khác nhau hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho chủ đầu tư.

(3) Thời gian thực hiện hợp đồng nêu trong đơn chào hàng phải phù hợp với đề xuất

về kỹ thuật và yêu cầu về tiến độ nêu tại Mục 2 Chương IV – Yêu cầu đối với gói mua sắm.

(4) Ghi số ngày có hiệu lực theo đúng yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

(5) Trường hợp đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp ủy quyền cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Chương này; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn chào hàng thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 02 Chương này).

**Mẫu số 02**

## GIẤY ỦY QUYỀN [1]

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp]*, là người đại diện theo pháp luật của _ *[Ghi tên nhà cung cấp]* có địa chỉ tại _ *[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* bằng văn bản này ủy quyền cho _ *[Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền]* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia dự chào giá gói mua sắm _ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm_ *[Ghi tên Phương án mua sắm]* do _ *[Ghi tên bên mời chào giá]* tổ chức:

*[- Ký đơn chào hàng;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời chào giá trong quá trình tham dự chào giá, kể cả văn bản đề nghị làm rõ Thư mời chào giá và văn bản giải trình, làm rõ Thư chào giá;*

*- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà cung cấp có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]* [2]

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]*. ____ *[Ghi tên nhà cung cấp]* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ *[Ghi tên người được ủy quyền]* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____ [3]. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

| **Người được ủy quyền** | **Người ủy quyền** |
|---|---|
| *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho bên mời chào giá cùng với đơn chào hàng. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của nhà cung cấp để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của nhà cung cấp thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của nhà cung cấp hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào giá.

**Mẫu số 04a**

**BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ**[1]

**Bên thụ hưởng:**___*[Ghi đầy đủ và chính xác tên, địa chỉ của bên mời chào giá]*

**Ngày phát hành bảo lãnh:**___*[Ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

**BẢO LÃNH DỰ CHÀO GIÁ số:**___*[Ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự chào giá]*

**Bên bảo lãnh:**___*[Ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng ____*[Ghi tên nhà cung cấp]* (sau đây gọi là "Bên yêu cầu bảo lãnh") sẽ tham dự chào hàng cạnh tranh để thực hiện gói mua sắm _____*[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc Phương án mua sắm _____*[Ghi tên PAMS]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà cung cấp tham dự chào hàng cạnh tranh gói mua sắm này bằng một khoản tiền là ____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ____[2] ngày, kể từ ngày____tháng___ năm___[3].

Theo yêu cầu của Bên yêu cầu bảo lãnh, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết chắc chắn sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng khoản tiền là ____*[Ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo nhà cung cấp vi phạm từ bên thụ hưởng trong đó nêu rõ:

1. Nhà cung cấp rút Thư chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá và trong thời gian có hiệu lực của Thư chào giá;

2. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo hợp đồng trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo mời đến thương thảo hợp đồng của bên mời chào giá, trừ trường hợp bất khả kháng;

3. Nhà cung cấp không tiến hành hoặc từ chối tiến hành hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp của bên mời chào giá hoặc đã hoàn thiện hợp đồng nhưng từ chối ký hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

4. Nhà cung cấp không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Thư chào giá.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh trúng chào giá: Bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Bên yêu cầu bảo lãnh ký kết hợp đồng và nộp Bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Nếu Bên yêu cầu bảo lãnh không trúng chào giá: bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp từ Bên thụ hưởng gửi cho Bên yêu cầu bảo lãnh; trong vòng 30 ngày sau khi hết thời hạn hiệu lực của Thư chào giá. Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày đó.

**Đại diện hợp pháp của ngân hàng**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Áp dụng trong trường hợp biện pháp bảo đảm dự chào giá là thư bảo lãnh của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam.

(2) Ghi theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

(3) Ghi ngày có thời điểm hết hạn nộp Thư chào giá theo quy định tại Chỉ dẫn nhà cung cấp.

**Mẫu số 05A**

# BẢNG TỔNG HỢP CHÀO GIÁ

| Stt | Nội dung công việc | Đvt | Số lượng (tạm tính) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| | **PHẦN 1: XƯỞNG CLINKER** | | | | |
| **A** | **Ghi làm nguội Clinker 15a.04** | | | | |
| **I** | **Hệ thống ghi 1** | | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 1 (cốt +3.5m) | tấn | 5,78 | | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 6,36 | | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 1 | tấn | 0,05 | | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 5 | Tháo nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | | |
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 1 nhà lạnh | tấn | 2,5 | | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 2,5 | | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 16 | Lắp nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | | |
| 17 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 18 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 0,05 | | |
| 19 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 20 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | | |
| 21 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | | |
| 22 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 23 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 24 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | | |
| 25 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | | |
| 26 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 27 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 1 | tấn | 0,76 | | |
| 28 | Vệ sinh các hộp, dầm thông gió làm mát | công | 2 | | |
| 29 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | | |
| 30 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 5 | | |
| **II** | **Hệ thống ghi 2** | | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cốt +3.0m) | tấn | 7,21 | | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 8,07 | | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị | tấn | 0,05 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | động ghi số 2 | | | | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 5 | Thay thế nhông chủ động, bị động ghi 2: | tấn | 0,5 | | |
| 5.1 | *Tháo nhông chủ động, bị động ghi 2 cũ* | *tấn* | *0,5* | | |
| 5.2 | *Lắp nhông chủ động, bị động ghi 2 mới* | *tấn* | *0,5* | | |
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh | tấn | 2,85 | | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 2,85 | | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 16 | Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,3 | | |
| 17 | Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,15 | | |
| 18 | Thay thế 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị | tấn | 0,15 | | |
| *18.1* | *Tháo 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | | |
| *18.2* | *Lắp 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | | |
| 19 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 20 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 0,05 | | |
| 21 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 22 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | | |
| 23 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | | |
| 24 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 25 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 26 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 4 | | |
| 27 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 28 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2 | tấn | 0,76 | | |
| 29 | Thay thế các dầm ghi bị hư hỏng | tấn | 0,70 | | |
| *29.1* | *Tháo các dầm ghi bị hư hỏng* | *tấn* | *0,70* | | |
| *29.2* | *Lắp dầm ghi mới thay thế* | *tấn* | *0,70* | | |
| 30 | Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động | tấn | 0,20 | | |
| *30.1* | *Tháo bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động cũ* | *tấn* | *0,20* | | |
| *30.2* | *Lắp bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động mới* | *tấn* | *0,20* | | |
| 31 | Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở) | công | 5 | | |
| 32 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | | |
| 33 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 3 | | |
| **B** | **Hệ thống lò nung 15b.01** | | | | |
| **I** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 1** | | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết: sym chèn, dẫn hướng, vai tỳ, | tấn | 3,45 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | chặn vai, tấm ép) theo mẫu Bên A cấp | | | | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 3,06 | | |
| 4 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn mới | tấn | 3,45 | | |
| **II** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 2** | | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 tấm sym chèn, 16 tấm ép và 02 bộ phụ kiện (bao gồm các chi tiết: dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai) theo mẫu Bên A cấp | tấn | 1,13 | | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 2,87 | | |
| 4 | Sửa chữa các chi tiết dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai cũ để lắp lại | tấn | 1,81 | | |
| 5 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết mới và các chi tiết sửa chữa lắp lại) | tấn | 2,94 | | |
| **III** | **Thay bạc bệ lò số 1 (gối 1.1÷1.4)** | | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,5 | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | | |
| 8 | Kích nâng con lăn (02 con bao gồm con lăn và trục) | tấn | 34,16 | | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 4 | | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | đầu trục | 4 | | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | Bộ | 2 | | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 2 | | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 34,16 | | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1,5 | | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,5 | | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1,5 | | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | | |
| **IV** | **Thay bạc bệ lò số 3 (gối 3.3 và 3.4)** | | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (VLC A cấp) | tấn | 1 | | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1 | | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | | |
| 8 | Kích nâng con lăn (01 con bao gồm con lăn và | tấn | 17,08 | | |

| | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|
| | trục) | | | | | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 2 | | | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | đầu trục | 2 | | | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | bộ | 1 | | | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 1 | | | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | | | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 17,08 | | | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | | | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1 | | | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | | | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1 | | | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | | | |
| **C** | **Hệ thống máy nghiền than** | | | | | |
| **I** | **Thay thế vòng bi HGT phân ly** | | | | | |
| 1 | Vệ sinh toàn bộ mặt bằng trước khi thi công | công | 0,5 | | | |
| 2 | Tháo bao che khớp nối trước khi thi công | bộ | 1,0 | | | |
| 3 | Tháo động cơ + Hộp giảm tốc đặt xuống sàn thao tác | tấn | 0,4 | | | |
| 4 | Tháo khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | | | |
| 5 | Tháo động cơ | tấn | 0,1 | | | |
| 6 | Gia công bộ giá kích vòng bi (VLC A cấp) | tấn | 0,1 | | | |
| 7 | Tháo toàn bộ vòng bi + phớt của HGT ra khỏi trục bánh răng<br>bao gồm: 08 vòng bi + 01 phớt | cái | 9,0 | | | |
| 8 | Vệ sinh toàn bộ chi tiết sau khi tháo | công | 1,0 | | | |
| 9 | Lắp mới toàn bộ vòng bi + phớt của HG, bao gồm: 08 vòng bi + 01 phớt | cái | 9,0 | | | |
| 10 | Lắp động cơ | tấn | 0,1 | | | |
| 11 | Lắp khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | | | |
| 12 | Lắp bao che khớp nối sau khi thi công | bộ | 1,0 | | | |
| 13 | Lắp đặt, căn chỉnh theo bản vẽ số:922140-00-3 | bộ | 1,0 | | | |
| **II** | **Taro lại lỗ bắt bu lông M42** | | | | | |
| 1 | Gia công bộ cle tháo bu lông | bộ | 1,0 | | | |
| 2 | Tháo bu lông M42 cũ | bộ | 20,0 | | | |
| 3 | Tarro lỗ bu lông M42 lên M48 | công | 20,0 | | | |
| 4 | Tháo bộ côn ép cánh tay đòn | bộ | 4,0 | | | |
| 5 | Lắp bu lông M48 mới | bộ | 20,0 | | | |
| 6 | Lắp, căn chỉnh lại bộ côn ép cánh tay đòn | công | 4,0 | | | |
| **III** | **Con lăn máy nghiền** | | | | | |
| 1 | Gia cố lại côn che cổ trục vỏ con lăn | bộ | 1,0 | | | |
| **IV** | **Gầu 15C.06 (Cốt 92m)** | | | | | |
| 1 | Vận chuyển bộ lót tang lên đỉnh gầu phục vụ thay thế | tấn | 0,2 | | | |
| 2 | Tháo bao che đỉnh gầu | tấn | 1,0 | | | |
| 3 | Tháo bộ lót tang cũ | tấn | 0,15 | | | |
| 4 | Lắp bộ lót tang mới | tấn | 0,2 | | | |
| 5 | Tháo thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | | | |
| 6 | Tháo cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | | | |
| 7 | Tháo mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | | | |
| 8 | Vệ sinh, gia cố tang bị động (Nếu cần) | công | 10 | | | |
| 9 | Lắp thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | | | |
| 10 | Lắp cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | | | |
| 11 | Lắp mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | | | |
| 12 | Căn chỉnh (đã tính trong chi phí lắp) | bộ | 1 | | | |
| | **PHẦN 2 XƯỞNG NGUYÊN LIỆU** | | | | | |
| **I** | **Phục hồi van quay cấp liệu 12/16.01** | | | | | |
| 1 | Bắc dựng, tháo dỡ giáo | 100m | 2 | | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | | 2 | | | |
| 2 | Tháo động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 0,516 | | |
| 3 | Tháo cụm van quay cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 6,612 | | |
| 4 | Tháo bộ khớp nối côn | Công | 2 | | |
| 5 | Tháo vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | | |
| 6 | Tháo gối đỡ, bích chặn, vòng bi.. | Tấn | 0,175 | | |
| 7 | Tháo vành giám sát tốc độ | Công | 2 | | |
| 8 | Tháo vành làm kín | Công | 4 | | |
| 9 | Tháo các tấm lót | Tấn | 0,16 | | |
| 10 | Tháo trục lót, cánh van ra khỏi vỏ van | Tấn | 2,440 | | |
| 11 | Cắt vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 | Cái | 2 | | |
| 12 | Gia công mới vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 (VLC A cấp) | Cái | 2 | | |
| 13 | Hàn, gia cố vành mới với mặt bích | Cái | 2 | | |
| 14 | Lắp trục lót, cánh van vào vỏ van | Tấn | 2,440 | | |
| 15 | Lắp các tấm lót | Tấn | 0,16 | | |
| 16 | Lắp vành làm kín | Công | 10 | | |
| 17 | Lắp vành giám sát tốc độ | Công | 2 | | |
| 18 | Lắp gối đỡ, vòng bi | Tấn | 0,175 | | |
| 19 | Lắp vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | | |
| 20 | Lắp cụm van quay cốt 12,00 m | Tấn | 6,612 | | |
| 21 | Lắp bộ khớp nối côn | Công | 2 | | |
| 22 | Lắp động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m | Tấn | 0,516 | | |
| 23 | Căn chỉnh hệ thống van | Công | 6 | | |
| | | | | | |

Ghi chú: Khối lượng nêu trên chỉ là tạm tính, khối lượng nghiệm thu trên cơ sở khối lượng thực tế thi công. Khối lượng thực tế thi công được Hai Bên xác định dựa trên các cơ sở sau:

+ Về trọng lượng các thiết bị trong dây chuyền: xác định theo hồ sơ thiết kế hoặc bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc cattalo hoặc packinglist nhập khẩu hàng hóa hoặc đo tính toán xác định khối lượng, thể tích trọng lượng hoặc cân thực tế tại hiện trường tùy theo các điều kiện thực tế cho phép áp dụng để xác định khối lượng;

+ Về khối lượng các công tác Biện pháp giàn giáo, giá đỡ biện pháp phục vụ tháo dỡ, lắp đặt được tính toán trên cơ sở bản vẽ hoàn công được Đại diện A- B ký kết hợp với Biên bản bàn giao vật tư sắt thép (đối với các kết cấu gia công vật liệu chính do Bên A cấp) là cơ sở để xác định khối lượng Bên B đã thực hiện.

+ Về số nhân công, ca máy thực tế Bên B đã thực hiện: hai Bên giám sát xác định thực tế số công, số ca máy đã thực hiện (thông qua nhật ký công trình A- B ký);

+ Về các số lượng khác (cái, bộ…) đếm được sẽ nghiệm thu thông qua đếm thực tế.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp[5]**

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 08**

# BẢN CAM KẾT THỰC HIỆN GÓI MUA SẮM

Ngày: _____*[Điền ngày tháng năm ký cam kết]*
Tên gói mua sắm: ____ *[Ghi tên gói mua sắm theo Phương án mua sắm được duyệt]*
Tên Phương án mua sắm: _____ *[Ghi tên PAMS]*

Kính gửi: *[Điền đầy đủ và chính xác tên của bên mời chào giá cạnh tranh]*

Sau khi nghiên cứu Thư mời chào giá cạnh tranh, văn bản sửa đổi Thư mời chào giá cạnh tranh số____*[Ghi số của văn bản sửa đổi, nếu có]* và các tài liệu đính kèm Thư mời chào giá cạnh tranh do _____*[Ghi tên bên mời chào giá]* phát hành, chúng tôi, ____ *[Ghi tên nhà cung cấp],* có địa chỉ tại _____*[Ghi địa chỉ của nhà cung cấp]* cam kết huy động: nhân lực có năng lực, kinh nghiệm, đủ số lượng và máy móc thiết bị thi công phù hợp, đủ số lượng để thực hiện gói mua sắm đảm bảo đáp ứng tiến độ, chất lượng theo các yêu cầu của Thư mời chào giá cạnh tranh.

Chúng tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của thông tin nêu trong bản cam kết này.

**Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp**
*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

**Mẫu số 09**

## HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NHÀ CUNG CẤP THỰC HIỆN

___, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên nhà cung cấp: _____*[ghi tên đầy đủ của nhà cung cấp]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

| | | |
|---|---|---|
| Tên và số hợp đồng | *[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]* | |
| Ngày ký hợp đồng | *[ghi ngày, tháng, năm]* | |
| Ngày hoàn thành | *[ghi ngày, tháng, năm]* | |
| Giá hợp đồng | *[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]* | Tương đương ____ VND |
| Tên dự án: | *[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]* | |
| Tên Chủ đầu tư: | *[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]* | |
| Địa chỉ:<br>Điện thoại/fax:<br>E-mail: | *[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]*<br>*[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]* | |
| **Mô tả tính chất tương tự theo quy định tại Mục 2.4 Chương II – Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá(1).** | | |
| 1. Loại hàng hóa | *[ghi thông tin phù hợp]* | |
| 2. Về giá trị | *[ghi số tiền bằng VND]* | |
| 3. Về quy mô thực hiện | *[ghi quy mô theo hợp đồng]* | |
| 4. Các đặc tính khác | *[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]* | |

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

**Mẫu số 10**

## HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH TRONG QUÁ KHỨ (1)

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

| Các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá | | | |
|---|---|---|---|
| ☐ Không có hợp đồng nào đã ký nhưng không thực hiện kể từ ngày 1 tháng 1 năm__ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá.<br>☐ Có hợp đồng đã ký nhưng không hoàn thành tính từ ngày 1 tháng 1 năm___ *[ghi năm]* theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm Mục 2.1 Chương II - Tiêu chuẩn đánh giá Thư chào giá. | | | |
| **Năm** | **Phần việc hợp đồng không hoàn thành** | **Mô tả hợp đồng** | **Tổng giá trị hợp đồng (giá trị hiện tại, đơn vị tiền tệ, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)** |
| | | Mô tả hợp đồng:<br>Tên Chủ đầu tư:<br>Địa chỉ:<br>Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: | |

Ghi chú:

(1) Nhà cung cấp phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ; nếu Bên mời cung cấp phát hiện bất cứ nhà cung cấp nào có hợp đồng không hoàn thành trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là hành vi "gian lận" và Thư chào giá sẽ bị loại.

## Chương IV. YÊU CẦU ĐỐI VỚI GÓI MUA SẮM

### Mục 1. Phạm vi cung cấp và tiến độ thực hiện:

Thông tin trong Bảng phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa là cơ sở để nhà cung cấp lập bảng chào giá theo Mẫu tương ứng quy định tại Chương III – Biểu mẫu. Phạm vi và tiến độ cung cấp hàng hóa được mô tả theo Bảng dưới đây:

| Stt | Nội dung công việc | Đvt | Số lượng | Ghi chú |
|---|---|---|---|---|
| | **PHẦN 1: XƯỞNG CLINKER** | | | |
| **A** | **Ghi làm nguội Clinker 15a.04** | | | |
| **I** | **Hệ thống ghi 1** | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 1 (cốt +3.5m) | tấn | 5,78 | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 6,36 | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 1 | tấn | 0,05 | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | |
| 5 | Tháo nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | |
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 1 nhà lạnh | tấn | 2,5 | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 2,5 | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | |
| 16 | Lắp nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | |
| 17 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | |
| 18 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 0,05 | |
| 19 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | |
| 20 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | |
| 21 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | |
| 22 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | |
| 23 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | |
| 24 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | |
| 25 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | |
| 26 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | |
| 27 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 1 | tấn | 0,76 | |
| 28 | Vệ sinh các hộp, dầm thông gió làm mát | công | 2 | |
| 29 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | |
| 30 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 5 | |
| **II** | **Hệ thống ghi 2** | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cốt +3.0m) | tấn | 7,21 | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 8,07 | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 2 | tấn | 0,05 | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | |
| 5 | Thay thế nhông chủ động, bị động ghi 2: | tấn | 0,5 | |
| 5.1 | *Tháo nhông chủ động, bị động ghi 2 cũ* | *tấn* | *0,5* | |
| 5.2 | *Lắp nhông chủ động, bị động ghi 2 mới* | *tấn* | *0,5* | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh | tấn | 2,85 | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 2,85 | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | |
| 16 | Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,3 | |
| 17 | Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,15 | |
| 18 | Thay thế 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị | tấn | 0,15 | |
| *18.1* | *Tháo 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | |
| *18.2* | *Lắp 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | |
| 19 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | |
| 20 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 0,05 | |
| 21 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | |
| 22 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | |
| 23 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | |
| 24 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | |
| 25 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | |
| 26 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 4 | |
| 27 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | |
| 28 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2 | tấn | 0,76 | |
| 29 | Thay thế các dầm ghi bị hư hỏng | tấn | 0,70 | |
| *29.1* | *Tháo các dầm ghi bị hư hỏng* | *tấn* | *0,70* | |
| *29.2* | *Lắp dầm ghi mới thay thế* | *tấn* | *0,70* | |
| 30 | Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động | tấn | 0,20 | |
| *30.1* | *Tháo bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động cũ* | *tấn* | *0,20* | |
| *30.2* | *Lắp bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động mới* | *tấn* | *0,20* | |
| 31 | Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở) | công | 5 | |
| 32 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | |
| 33 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 3 | |
| **B** | **Hệ thống lò nung 15b.01** | | | |
| **I** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 1** | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết: sym chèn, dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai, tấm ép) theo mẫu Bên A cấp | tấn | 3,45 | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 3,06 | |
| 4 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn mới | tấn | 3,45 | |
| **II** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 2** | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 tấm sym chèn, 16 tấm ép và 02 bộ phụ kiện (bao gồm các chi tiết: dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai) theo mẫu Bên A cấp | tấn | 1,13 | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 2,87 | |
| 4 | Sửa chữa các chi tiết dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai cũ để lắp lại | tấn | 1,81 | |
| 5 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết mới và các chi tiết sửa chữa lắp lại) | tấn | 2,94 | |
| **III** | **Thay bạc bệ lò số 1 (gối 1.1÷1.4)** | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi | tấn | 0,5 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | trơn con lăn | | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | |
| 8 | Kích nâng con lăn (02 con bao gồm con lăn và trục) | tấn | 34,16 | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 4 | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | đầu trục | 4 | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | Bộ | 2 | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 2 | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 34,16 | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1,5 | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,5 | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1,5 | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | |
| **IV** | **Thay bạc bệ lò số 3 (gối 3.3 và 3.4)** | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (VLC A cấp) | tấn | 1 | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1 | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | |
| 8 | Kích nâng con lăn (01 con bao gồm con lăn và trục) | tấn | 17,08 | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 2 | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | đầu trục | 2 | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | bộ | 1 | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 1 | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 17,08 | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1 | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1 | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | |
| **C** | **Hệ thống máy nghiền than** | | | |
| **I** | **Thay thế vòng bi HGT phân ly** | | | |
| 1 | Vệ sinh toàn bộ mặt bằng trước khi thi công | công | 0,5 | |
| 2 | Tháo bao che khớp nối trước khi thi công | bộ | 1,0 | |
| 3 | Tháo động cơ + Hộp giảm tốc đặt xuống sàn thao tác | tấn | 0,4 | |
| 4 | Tháo khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | |
| 5 | Tháo động cơ | tấn | 0,1 | |
| 6 | Gia công bộ giá kích vòng bi (VLC A cấp) | tấn | 0,1 | |
| 7 | Tháo toàn bộ vòng bi + phớt của HGT ra khỏi trục bánh răng bao gồm: 08 vòng bi + 01 phớt | cái | 9,0 | |
| 8 | Vệ sinh toàn bộ chi tiết sau khi tháo | công | 1,0 | |
| 9 | Lắp mới toàn bộ vòng bi + phớt của HG, bao gồm: 08 vòng bi + | cái | 9,0 | |

| | | | | |
|---|---|---|---|---|
| | 01 phớt | | | |
| 10 | Lắp động cơ | tấn | 0,1 | |
| 11 | Lắp khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | |
| 12 | Lắp bao che khớp nối sau khi thi công | bộ | 1,0 | |
| 13 | Lắp đặt, căn chỉnh theo bản vẽ số:922140-00-3 | bộ | 1,0 | |
| **II** | **Taro lại lỗ bắt bu lông M42** | | | |
| 1 | Gia công bộ cle tháo bu lông | bộ | 1,0 | |
| 2 | Tháo bu lông M42 cũ | bộ | 20,0 | |
| 3 | Tarro lỗ bu lông M42 lên M48 | công | 20,0 | |
| 4 | Tháo bộ côn ép cánh tay đòn | bộ | 4,0 | |
| 5 | Lắp bu lông M48 mới | bộ | 20,0 | |
| 6 | Lắp, căn chỉnh lại bộ côn ép cánh tay đòn | công | 4,0 | |
| **III** | **Con lăn máy nghiền** | | | |
| 1 | Gia cố lại côn che cổ trục vỏ con lăn | bộ | 1,0 | |
| **IV** | **Gầu 15C.06 (Cốt 92m)** | | | |
| 1 | Vận chuyển bộ lót tang lên đỉnh gầu phục vụ thay thế | tấn | 0,2 | |
| 2 | Tháo bao che đỉnh gầu | tấn | 1,0 | |
| 3 | Tháo bộ lót tang cũ | tấn | 0,15 | |
| 4 | Lắp bộ lót tang mới | tấn | 0,2 | |
| 5 | Tháo thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | |
| 6 | Tháo cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | |
| 7 | Tháo mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | |
| 8 | Vệ sinh, gia cố tang bị động (Nếu cần) | công | 10 | |
| 9 | Lắp thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | |
| 10 | Lắp cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | |
| 11 | Lắp mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | |
| 12 | Căn chỉnh (đã tính trong chi phí lắp) | bộ | 1 | |
| | **PHẦN 2 XƯỞNG NGUYÊN LiỆU** | | | |
| **I** | **Phục hồi van quay cấp liệu 12/16.01** | | | |
| 1 | Bắc dựng, tháo dỡ giáo | 100m2 | 2 | |
| 2 | Tháo động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 0,516 | |
| 3 | Tháo cụm van quay cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 6,612 | |
| 4 | Tháo bộ khớp nối côn | Công | 2 | |
| 5 | Tháo vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | |
| 6 | Tháo gối đỡ, bích chặn, vòng bi.. | Tấn | 0,175 | |
| 7 | Tháo vành giám sát tốc độ | Công | 2 | |
| 8 | Tháo vành làm kín | Công | 4 | |
| 9 | Tháo các tấm lót | Tấn | 0,16 | |
| 10 | Tháo trục lót, cánh van ra khỏi vỏ van | Tấn | 2,440 | |
| 11 | Cắt vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 | Cái | 2 | |
| 12 | Gia công mới vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 (VLC A cấp) | Cái | 2 | |
| 13 | Hàn, gia cố vành mới với mặt bích | Cái | 2 | |
| 14 | Lắp trục lót, cánh van vào vỏ van | Tấn | 2,440 | |
| 15 | Lắp các tấm lót | Tấn | 0,16 | |
| 16 | Lắp vành làm kín | Công | 10 | |
| 17 | Lắp vành giám sát tốc độ | Công | 2 | |
| 18 | Lắp gối đỡ, vòng bi | Tấn | 0,175 | |
| 19 | Lắp vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | |
| 20 | Lắp cụm van quay cốt 12,00 m | Tấn | 6,612 | |
| 21 | Lắp bộ khớp nối côn | Công | 2 | |
| 22 | Lắp động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m | Tấn | 0,516 | |
| 23 | Căn chỉnh hệ thống van | Công | 6 | |
| | | | | |

Bên mời chào giá có thể thay đổi (tăng hoặc giảm số lượng, khối lượng); bổ sung hoặc bỏ bớt phạm vi công việc nêu trong phạm vi cung cấp nêu trên. Bên chào giá cam kết việc thay đổi này không thay đổi đơn giá của phần việc bị thay đổi khối lượng mà Nhà cung cấp đã chào giá. Đối với các công việc sửa chữa

không xác định được trọng lượng thiết bị mà tính bằng số công thì số công trong bảng yêu cầu chỉ là tạm tính, số công thực tế Bên B thi công xác định theo thực tế được Hai Bên giám sát tại hiện trường.

**Mục 2. Thời gian thực hiện và tiến độ cung cấp.**

Thời gian thực hiện công việc của gói mua sắm yêu cầu không quá 12 ngày, kể từ ngày bắt đầu tiến hành công việc theo kế hoạch sửa chữa của Bên A.

**Mục 3. Yêu cầu về kỹ thuật**

Nhà cung cấp phải thực hiện dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí đảm bảo các yêu cầu sau:

1. Thực hiện tháo, dỡ các thiết bị đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt, đảm bảo an toàn tuyệt đối cho con người, tài sản và thiết bị của Bên A.

2. Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt; đảm bảo đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:

+ TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình XD-Nguyên tắc cơ bản.

+ TCVN 5639: 1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu;

+ TCXD 187: 1996 - Khớp nối trục - Sai số lắp đặt.

+ TCXD 181:1996 - Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt.

+ TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt;

2. Các mối liên kết giữa các chi tiết thiết bị, kết cấu trong quá trình lắp đặt phải đúng yêu cầu kỹ thuật:

- Liên kết bằng bulong phải xiết đủ lực xiết.
- Các mối liên kết hàn phải đủ độ dày theo tiêu chuẩn, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn đảm bảo chất lượng, đúng kỹ thuật.

3. Nhà cung cấp dịch vụ có cam kết đảm bảo an toàn cho con người và thiết bị; đảm bảo an toàn phòng chống cháy nổ, vệ sinh môi trường và các qui định khác của Chủ đầu tư trong quá trình thực hiện sửa chữa; cam kết lập biện pháp thi công trình Bên A duyệt trước khi thực hiện.

## Chương V. DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

**Mẫu số 4**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DỰ THẢO HỢP ĐỒNG KINH TẾ**
**Số: /2020/HĐKT**
**V/v Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020**
**(Ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐI)**

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã· hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Quyết định số /QĐ-XMST, ngày / /2020 của Tổng giám đốc Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao v/v phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp thực hiện gói mua sắm: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020– Công ty cổ phần xi măng Vicem Sông Thao (Ký hiệu: XMST/2020/DVSCĐI);

Căn cứ Biên bản thương thảo Hợp đồng ngày / /2020 giữa Hai Bên;

Căn cứ nhu cầu và năng lực của Hai Bên.

*Hôm nay, ngày / /2020, tại Công ty CP xi măng Vicem Sông Thao, Hai Bên gồm:*

**BÊN A : CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM SÔNG THAO**
Địa chỉ : Xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ
Điện thoại : 0210 3884 927 Fax: 0210 3884 929
Mã số thuế : 2600279082
Tài khoản : 118 600399 566
Ngân hàng : TMCP công thương Việt Nam - Chi nhánh Đền Hùng
Đại diện : Ông **Nguyễn Quang Huy** Chức vụ: **Tổng giám đốc**

**BÊN B :**
Địa chỉ :
Điện thoại : Fax:
Tài khoản :
Ngân hàng :
Mã số thuế :
Đại diện : Ông (Bà): Chức vụ :

HAI BÊN THỎA THUẬN KÝ KẾT
HỢP ĐỒNG KINH TẾ VỚI NHỮNG ĐIỀU KHOẢN SAU:

**Điều 1. Nội dung Hợp đồng:** Bên A đồng ý giao và Bên B đồng ý nhận thực hiện công việc: Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cơ khí đợt I năm 2020 - Nhà máy của Bên A.

Nội dung công việc chi tiết theo Bảng giá trị Hợp đồng nêu tại Khoản 4.1 - Điều 4 của Hợp đồng.

**Điều 2. Yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và điều kiện nghiệm thu:**

**2.1. Yêu cầu kỹ thuật:**

**a.** Thực hiện công việc gia công giá đỡ biện pháp… (gọi chung là gia công kết cấu) theo đúng bản vẽ và yêu cầu kỹ thuật của Bên A. Thực hiện tháo, bảo dưỡng, sửa chữa và lắp đặt các thiết bị đúng qui trình, biện pháp thi công do Bên B lập được Bên A phê duyệt, đảm bảo an toàn cho người và thiết bị.

**b.** Lắp đặt các chi tiết thiết bị đúng vị trí, căn chỉnh đạt dung sai cho phép theo các tiêu chuẩn hiện hành của Việt Nam:

+ TCVN 5637:1991 - Quản lý chất lượng xây lắp công trình xây dựng - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCVN 5639:1991 - Nghiệm thu thiết bị đã lắp đặt xong - Nguyên tắc cơ bản.

+ TCXD 181:1996 - Băng tải, gầu tải, xích tải, vít tải - sai số lắp đặt.

+ TCXD 184:1996 - Máy quạt - sai số lắp đặt.

+ TCXD 186:1996 - Lò nung clinker kiểu quay - sai số lắp đặt.

+ TCXD 187:1996 - Khớp nối trục - sai số lắp đặt.

+ TCXD 207:1998 - Lọc bụi tĩnh điện - sai số lắp đặt.

+ TCXDVN: 170 - 2007- Kết cấu thép, gia công, lắp giáp và nghiệm thu.

**c.** Các mối liên kết trong quá trình lắp đặt đúng yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo chất lượng: Đối với các mối liên kết bằng bu lông phải được xiết chặt; các mối liên kết bằng hàn phải được hàn đủ độ dày, mối hàn không bị ngậm xỉ, rỗ khí, sử dụng que hàn có chất lượng, đảm bảo đúng chủng loại theo yêu cầu kỹ thuật.

**d.** Các thiết bị sau khi bảo dưỡng, sửa chữa thay thế phải được đưa vào chạy thử không tải và chạy thử có tải trong 72 giờ. Sau khi chạy thử không tải và có tải thiết bị phải làm việc ổn định, máy chạy êm, không có tiếng kêu lạ, đạt công suất thiết kế.

**2.2. Điều kiện nghiệm thu**: Việc nghiệm thu được thực hiện theo các công đoạn như sau:

**a.** Nghiệm thu công việc đã thực hiện: Đối với các công việc gia công khung giá đỡ biện pháp, gia công thang dây.. (gọi chung là gia công kết cấu), lắp dựng giàn giáo: sau khi Bên B thực hiện xong Hai Bên tiến hành nghiệm thu làm cơ sở để Bên B chuyển sang lắp đặt, sử dụng;

**b.** Nghiệm thu lắp đặt tĩnh: Khi Bên B hoàn thành các công việc lắp đặt các thiết bị nêu tại Điều 1 của Hợp đồng, thiết bị đã được sửa chữa, bảo dưỡng đảm bảo yêu cầu kỹ thuật nêu tại Khoản 2.1- Điều 2 của Hợp đồng, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu tĩnh cho phép tiến hành chạy thử không tải và chạy thử có tải thiết bị theo qui trình.

**c.** Nghiệm thu chạy thử không tải và chạy có tải: Trên cơ sở Biên bản nghiệm thu tĩnh, Hai Bên tiến hành chạy thử không tải và chạy có tải thiết bị theo qui trình. Sau khi thiết bị chạy có tải được 72 giờ đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên sẽ lập Biên bản nghiệm thu chạy có tải.

**d.** Nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng: Sau khi thiết bị đưa vào chạy thử có tải đạt yêu cầu kỹ thuật, Hai Bên tiến hành lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc bàn giao đưa vào sử dụng.

**e.** Với mỗi bước nghiệm thu, Bên A sẽ từ chối nghiệm thu nếu qua kiểm tra, đánh giá không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng. Khi đó, Bên B phải có trách nhiệm sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật, chất lượng và hoàn thành đúng thời gian yêu cầu.

**Điều 3. Thời gian, địa điểm thực hiện Hợp đồng:**

**a.** Thời gian thi công: Bên B phải hoàn thành toàn bộ công việc bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt hoàn chỉnh các thiết bị vào vị trí trong vòng ….. ngày, kể từ ngày Bên A yêu cầu Bên B bắt đầu thi công. Tiến hành công tác chạy thử, hiệu chỉnh thiết bị hoàn thành đúng theo kế hoạch sửa chữa của Bên A.

**b**. Địa điểm thi công: Tại Nhà máy Bên A, xã Ninh Dân, huyện Thanh Ba, Phú Thọ.

**Điều 4. Hình thức và giá trị Hợp đồng:**

**4.1. Giá trị Hợp đồng (*đã bao gồm thuế GTGT 10%*) là: …… đồng** *(Bằng chữ: ……).*

**Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng**

| Stt | Nội dung công việc | Đvt | Số lượng (tạm tính) | Đơn giá (đồng) | Thành tiền (đồng) |
|---|---|---|---|---|---|
| | **PHẦN 1: XƯỞNG CLINKER** | | | | |
| **A** | **Ghi làm nguội Clinker 15a.04** | | | | |
| **I** | **Hệ thống ghi 1** | | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 1 (cốt +3.5m) | tấn | 5,78 | | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 6,36 | | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 1 | tấn | 0,05 | | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 5 | Tháo nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | | |
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 1 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,33 | | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 1 nhà lạnh | tấn | 2,5 | | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 2,5 | | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 16 | Lắp nhông chủ động, bị động ghi 1 | tấn | 0,5 | | |
| 17 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ | tấn | 1,06 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | | | | |
| 18 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 1 | tấn | 0,05 | | |
| 19 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 20 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | | |
| 21 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | | |
| 22 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 1 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 23 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 24 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | | |
| 25 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 2 | | |
| 26 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 1 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 27 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 1 | tấn | 0,76 | | |
| 28 | Vệ sinh các hộp, dầm thông gió làm mát | công | 2 | | |
| 29 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | | |
| 30 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 5 | | |
| **II** | **Hệ thống ghi 2** | | | | |
| 1 | Tháo các tấm ghi cũ của dàn ghi số 2 (cốt +3.0m) | tấn | 7,21 | | |
| 2 | Lắp các tấm ghi mới | tấn | 8,07 | | |
| 3 | Tháo mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động ghi số 2 | tấn | 0,05 | | |
| 4 | Tháo 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép đầu trục, 04 bộ bạc đồng đầu trục, 02 bộ bạc bánh xe và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 5 | Thay thế nhông chủ động, bị động ghi 2: | tấn | 0,5 | | |
| 5.1 | *Tháo nhông chủ động, bị động ghi 2 cũ* | *tấn* | *0,5* | | |
| 5.2 | *Lắp nhông chủ động, bị động ghi 2 mới* | *tấn* | *0,5* | | |
| 6 | Tháo vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 7 | Tháo ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 8 | Lắp ray tỳ trục bị động (2 cái) | tấn | 0,05 | | |
| 9 | Tháo ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 10 | Lắp ray tỳ dầm động (6 cái) | tấn | 0,11 | | |
| 11 | Tháo trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | | |
| 12 | Lắp trục chủ động ghi 2 nhà lạnh (bao gồm 2 trục lệch tâm và trục trung gian) | tấn | 1,44 | | |
| 13 | Tháo trục bị động ghi 2 nhà lạnh | tấn | 2,85 | | |
| 14 | Lắp trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 2,85 | | |
| 15 | Lắp vòng bi gối đỡ (75kg/vòng) | vòng | 2 | | |
| 16 | Tháo 02 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,3 | | |
| 17 | Vệ sinh, kiểm tra lắp lại 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị động | tấn | 0,15 | | |
| 18 | Thay thế 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị | tấn | 0,15 | | |
| *18.1* | *Tháo 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | | |
| *18.2* | *Lắp 01 cơ cấu làm kín đầu trục bị* | *tấn* | *0,15* | | |
| 19 | Lắp 01 xích truyền động, 02 tay biên, 02 gối đỡ trục chủ động, 04 bộ bạc thép, 04 bộ bạc đồng và 02 bộ bánh xe dẫn hướng trục bị động | tấn | 1,06 | | |
| 20 | Lắp mặt bích bịt đầu trục chủ động và trục bị động dàn ghi số 2 | tấn | 0,05 | | |
| 21 | Tháo con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 22 | Tháo, vệ sinh, bảo dưỡng, lắp lại vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 4 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 23 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn đỡ dầm động | vòng | 8 | | |
| 24 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn đỡ dầm động ghi 2 (6 con lăn) | tấn | 0,74 | | |
| 25 | Tháo con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 26 | Tháo, thay thế vòng bi con lăn dẫn hướng dầm động | vòng | 4 | | |
| 27 | Lắp đặt, căn chỉnh con lăn dẫn hướng dầm động ghi 2 (2 con lăn) | tấn | 0,1 | | |
| 28 | Căn chỉnh động cơ, hộp giảm tốc ghi 2 | tấn | 0,76 | | |
| 29 | Thay thế các dầm ghi bị hư hỏng | tấn | 0,70 | | |
| *29.1* | *Tháo các dầm ghi bị hư hỏng* | *tấn* | *0,70* | | |
| *29.2* | *Lắp dầm ghi mới thay thế* | *tấn* | *0,70* | | |
| 30 | Thay thế bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động | tấn | 0,20 | | |
| *30.1* | *Tháo bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động cũ* | *tấn* | *0,20* | | |
| *30.2* | *Lắp bao che, lắp tấm chắn liệu lọt vào cổ trục chủ động mới* | *tấn* | *0,20* | | |
| 31 | Làm kín khe hở các tấm ghi cũ sau khi lắp lại (do tấm ghi đã bị mòn không đảm bảo khe hở) | công | 5 | | |
| 32 | Làm kín các khoang ghi | công | 2 | | |
| 33 | Hàn gia cố, sửa chữa các dầm ghi bị nứt | công | 3 | | |
| **B** | **Hệ thống lò nung 15b.01** | | | | |
| **I** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 1** | | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết: sym chèn, dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai, tấm ép) theo bản vẽ Bên A cấp | tấn | 3,45 | | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 3,06 | | |
| 4 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn mới | tấn | 3,45 | | |
| **II** | **Sym chèn vành băng đa bệ lò số 2** | | | | |
| 1 | Cung cấp vật tư, gia công 16 tấm sym chèn, 16 tấm ép và 02 bộ phụ kiện (bao gồm các chi tiết: dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai) theo bản vẽ Bên A cấp | tấn | 1,13 | | |
| 2 | Tháo, lắp giàn giáo phục vụ thi công (giáo ngoài) | 100m2 | 1,25 | | |
| 3 | Tháo bộ sym chèn cũ | tấn | 2,87 | | |
| 4 | Sửa chữa các chi tiết dẫn hướng, vai tỳ, chặn vai cũ để lắp lại | tấn | 1,81 | | |
| 5 | Lắp đặt, căn chỉnh bộ sym chèn (bao gồm các chi tiết mới và các chi tiết sửa chữa lắp lại) | tấn | 2,94 | | |
| **III** | **Thay bạc bệ lò số 1 (gối 1.1÷1.4)** | | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,5 | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1,5 | | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | | |
| 8 | Kích nâng con lăn (02 con bao gồm con lăn và trục) | tấn | 34,16 | | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 4 | | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc | đầu | 4 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| | đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | trục | | | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | Bộ | 2 | | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 2 | | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 04 gối đỡ | tấn | 11,806 | | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 34,16 | | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1,5 | | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,5 | | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1,5 | | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | | |
| **IV** | **Thay bạc bệ lò số 3 (gối 3.3 và 3.4)** | | | | |
| 1 | Vệ sinh khu vực thi công, lấy dấu các vị trí | công | 5 | | |
| 2 | Gia công, lắp đặt sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc (VLC A cấp) | tấn | 1 | | |
| 3 | Tháo hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | | |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo hệ thống grafit bôi trơn con lăn | công | 5 | | |
| 5 | Gia công, lắp đặt bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích (Vật liệu chính A cấp) | tấn | 1 | | |
| 6 | Lắp đặt kích nâng lò lên phục vụ việc rà cạo bạc (sử dụng kích 500T để kích) | bộ | 1 | | |
| 7 | Tháo bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | | |
| 8 | Kích nâng con lăn (01 con bao gồm con lăn và trục) | tấn | 17,08 | | |
| 9 | Tháo bạc cũ, bạc cầu khỏi bệ đỡ | bộ | 2 | | |
| 10 | Đánh bóng cổ trục, vai trục, mặt bích chặn bạc đạt yêu cầu (đánh đóng bằng thủ công; sử dụng giấy giáp vải mịn và đá nỉ để đánh bóng…) | đầu trục | 2 | | |
| 11 | Rà cạo bạc mới gỗi đỡ con lăn (02 cái/bộ) | bộ | 1 | | |
| 12 | Lắp bạc mới, bạc cầu vào gối đỡ | bộ | 1 | | |
| 13 | Lắp bệ đỡ, nắp, bích đầu trục 02 gối đỡ | tấn | 5,903 | | |
| 14 | Lắp lại con lăn vào vị trí | tấn | 17,08 | | |
| 15 | Hạ lò, tháo kích và căn chỉnh | bộ | 1 | | |
| 16 | Tháo bộ giá đỡ lò, giá đỡ con lăn, giá đỡ bệ đỡ, giá đỡ kích | tấn | 1 | | |
| 17 | Lắp đặt hệ thống bao che, đường ống, lan can, hệ thống grafit bôi trơn con lăn | tấn | 0,25 | | |
| 18 | Tháo sàn thao tác, giá phục vụ rà cạo bạc | tấn | 1 | | |
| 19 | Căn chỉnh, trực chạy thử | công | 15 | | |
| **C** | **Hệ thống máy nghiền than** | | | | |
| **I** | **Thay thế vòng bi HGT phân ly** | | | | |
| 1 | Vệ sinh toàn bộ mặt bằng trước khi thi công | công | 0,5 | | |
| 2 | Tháo bao che khớp nối trước khi thi công | bộ | 1,0 | | |
| 3 | Tháo động cơ + Hộp giảm tốc đặt xuống sàn thao tác | tấn | 0,4 | | |
| 4 | Tháo khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | | |
| 5 | Tháo động cơ | tấn | 0,1 | | |
| 6 | Gia công bộ giá kích vòng bi (VLC A cấp) | tấn | 0,1 | | |
| 7 | Tháo toàn bộ vòng bi + phớt của HGT ra khỏi trục bánh răng<br>bao gồm: 08 vòng bi + 01 phớt | cái | 9,0 | | |
| 8 | Vệ sinh toàn bộ chi tiết sau khi tháo | công | 1,0 | | |
| 9 | Lắp mới toàn bộ vòng bi + phớt của HG, bao gồm: 08 vòng bi + 01 phớt | cái | 9,0 | | |
| 10 | Lắp động cơ | tấn | 0,1 | | |
| 11 | Lắp khớp nối đầu ra HGT | cái | 1,0 | | |
| 12 | Lắp bao che khớp nối sau khi thi công | bộ | 1,0 | | |

| | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|
| 13 | Lắp đặt, căn chỉnh theo bản vẽ số:922140-00-3 | bộ | 1,0 | | |
| **II** | **Taro lại lỗ bắt bu lông M42** | | | | |
| 1 | Gia công bộ cle tháo bu lông | bộ | 1,0 | | |
| 2 | Tháo bu lông M42 cũ | bộ | 20,0 | | |
| 3 | Tarro lỗ bu lông M42 lên M48 | công | 20,0 | | |
| 4 | Tháo bộ côn ép cánh tay đòn | bộ | 4,0 | | |
| 5 | Lắp bu lông M48 mới | bộ | 20,0 | | |
| 6 | Lắp, căn chỉnh lại bộ côn ép cánh tay đòn | công | 4,0 | | |
| **III** | **Con lăn máy nghiền** | | | | |
| 1 | Gia cố lại côn che cổ trục vỏ con lăn | bộ | 1,0 | | |
| **IV** | **Gầu 15C.06 (Cốt 92m)** | | | | |
| 1 | Vận chuyển bộ lót tang lên đỉnh gầu phục vụ thay thế | tấn | 0,2 | | |
| 2 | Tháo bao che đỉnh gầu | tấn | 1,0 | | |
| 3 | Tháo bộ lót tang cũ | tấn | 0,15 | | |
| 4 | Lắp bộ lót tang mới | tấn | 0,2 | | |
| 5 | Tháo thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | | |
| 6 | Tháo cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | | |
| 7 | Tháo mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | | |
| 8 | Vệ sinh, gia cố tang bị động (Nếu cần) | công | 10 | | |
| 9 | Lắp thanh tren, gối đỡ vòng bi tang bị động | công | 2 | | |
| 10 | Lắp cơ cấu đối trọng | tấn | 1,5 | | |
| 11 | Lắp mặt bích vỏ gầu | tấn | 0,8 | | |
| 12 | Căn chỉnh (đã tính trong chi phí lắp) | bộ | 1 | | |
| | **PHẦN 2 XƯỞNG NGUYÊN LiỆU** | | | | |
| **I** | **Phục hồi van quay cấp liệu 12/16.01** | | | | |
| 1 | Bắc dựng, tháo dỡ giáo | 100m 2 | 2 | | |
| 2 | Tháo động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 0,516 | | |
| 3 | Tháo cụm van quay cốt 12,00 m xuống cốt 0,00 m | Tấn | 6,612 | | |
| 4 | Tháo bộ khớp nối côn | Công | 2 | | |
| 5 | Tháo vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | | |
| 6 | Tháo gối đỡ, bích chặn, vòng bi.. | Tấn | 0,175 | | |
| 7 | Tháo vành giám sát tốc độ | Công | 2 | | |
| 8 | Tháo vành làm kín | Công | 4 | | |
| 9 | Tháo các tấm lót | Tấn | 0,16 | | |
| 10 | Tháo trục lót, cánh van ra khỏi vỏ van | Tấn | 2,440 | | |
| 11 | Cắt vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 | Cái | 2 | | |
| 12 | Gia công mới vành mặt bích đốc van Ø1400xØ1200x20 (VLC A cấp) | Cái | 2 | | |
| 13 | Hàn, gia cố vành mới với mặt bích | Cái | 2 | | |
| 14 | Lắp trục lót, cánh van vào vỏ van | Tấn | 2,440 | | |
| 15 | Lắp các tấm lót | Tấn | 0,16 | | |
| 16 | Lắp vành làm kín | Công | 10 | | |
| 17 | Lắp vành giám sát tốc độ | Công | 2 | | |
| 18 | Lắp gối đỡ, vòng bi | Tấn | 0,175 | | |
| 19 | Lắp vành côn đỡ ổ trục | Tấn | 1,489 | | |
| 20 | Lắp cụm van quay cốt 12,00 m | Tấn | 6,612 | | |
| 21 | Lắp bộ khớp nối côn | Công | 2 | | |
| 22 | Lắp động cơ, hộp giảm tốc cốt 12,00 m | Tấn | 0,516 | | |
| 23 | Căn chỉnh hệ thống van | Công | 6 | | |
| | | | | | |

Khối lượng nêu trong Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng chỉ là tạm tính, khối lượng thanh quyết toán theo khối lượng thực tế thi công được nghiệm thu.

Phương pháp xác định khối lượng thực tế thi công:

Khối lượng thực tế Bên B thi công được Hai Bên xác định, nghiệm thu dựa trên các tài liệu, căn cứ sau:

+ Về trọng lượng các thiết bị trong dây chuyền: xác định theo hồ sơ thiết kế hoặc bản vẽ thiết kế kỹ thuật hoặc cattalo hoặc packinglist nhập khẩu hàng hóa hoặc đo tính toán xác định khối lượng, thể tích trọng lượng hoặc cân thực tế tại hiện trường tùy theo các điều kiện thực tế cho phép áp dụng để xác định khối lượng;

+ Về khối lượng các công tác Biện pháp giàn giáo, giá đỡ biện pháp phục vụ tháo dỡ, lắp đặt được tính toán trên cơ sở bản vẽ hoàn công được Đại diện A- B ký kết hợp với Biên bản bàn giao vật tư sắt thép (đối với các kết cấu gia công vật liệu chính do Bên A cấp) là cơ sở để xác định khối lượng Bên B đã thực hiện.

+ Về số nhân công, ca máy thực tế Bên B đã thực hiện: hai Bên giám sát xác định thực tế số công, số ca máy đã thực hiện (thông qua nhật ký công trình A- B ký);

+ Về các số lượng khác (cái, bộ…) đếm được sẽ nghiệm thu thông qua đếm thực tế;

**4.2. Hình thức Hợp đồng**: Hợp đồng theo đơn giá cố định.

**Điều 5. Phương thức thanh, quyết toán:**

**5.1. Thanh toán**:

Hai Bên thống nhất có thể lập Hồ sơ thanh toán trên cơ sở khối lượng Bên B đã hoàn thành từng hạng mục công việc hoặc thanh toán trên cơ sở khối lượng Bên B đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục của Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ thanh toán được A-B ký, công văn đề nghị thanh toán của Bên B kèm hóa đơn GTGT, Bên A thanh toán đến 95% giá trị hoàn thành và giữ lại 5% giá trị hoàn thành để bảo hành.

*** Hồ sơ thanh toán gồm**:

+ Biên bản giao, nhận vật tư sắt thép nằm trong danh mục công việc sắt thép A cấp nêu tại Bảng chi tiết giá trị Hợp đồng; Biên bản trao trả vật tư sắt thép còn thừa sau khi Bên B thực hiện xong công việc và Biên bản bàn giao giá đỡ biện pháp sau khi Bên B hoàn thành công việc được giao (*được thủ kho, kỹ thuật và Đại diện Bên A cùng Bên B ký*).

+ Các Biên bản nghiệm thu công việc, nghiệm thu lắp đặt tĩnh, nghiệm thu chạy thử không tải và Biên bản nghiệm thu chạy thử có tải 72 giờ, bàn giao đưa vào sử dụng theo qui định nêu tại Khoản 2.2 – Điều 2 của Hợp đồng;

+ Biên bản nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

+ Biểu tính giá trị khối lượng hoàn thành.

**5.2. Quyết toán và thanh lý Hợp đồng**:

Hết thời gian bảo hành và Bên B đã xử lý xong các vấn đề phát sinh trong thời gian bảo hành (*nếu có*), Hai Bên tiến hành lập Biên bản xác nhận đã hoàn thành công tác bảo hành và lập Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng. Trong vòng 30 ngày, kể từ ngày Bên A nhận được Hồ sơ quyết toán và thanh lý Hợp đồng được A - B ký, Bên A sẽ thanh toán nốt 5% số tiền còn giữ lại bảo hành cho Bên B.

**5.3. Hình thức thanh toán**: Chuyển khoản hoặc đối trừ công nợ.

**5.4. Đồng tiền thanh toán**: VNĐ.

**Điều 6. Trách nhiệm Các Bên:**

**6.1. Trách nhiệm Bên A:**

**a.** Cung cấp cho Bên B các bản vẽ gia công các chi tiết phải gia công, bản vẽ lắp đặt; các tài liệu, yêu cầu kỹ thuật có liên quan; bàn giao mặt bằng, thiết bị cho Bên B trước khi Bên B thực hiện công việc.

**b.** Cung cấp điểm đấu điện, nước đủ điều kiện để Bên B thi công.

**c.** Duyệt Biện pháp thi công do Bên B lập.

**d.** Cử cán bộ kiểm tra, giám sát Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Phối hợp với Bên B xử lý các vấn đề phát sinh (nếu có) và làm các Hồ sơ nghiệm thu trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

**e.** Bên A có quyền tạm dừng hoặc chấm dứt Hợp đồng khi Bên B thi công không đáp ứng ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc không đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Khi đó, Bên A sẽ tự thực hiện hoặc mời Nhà thầu khác vào thực hiện các phần việc còn lại của Hợp đồng. Giá trị phần khối lượng công việc còn lại sẽ do Bên A và Nhà thầu được mời vào thực hiện thống nhất. Nếu giá trị công việc Bên A thuê nhà thầu khác cao hơn giá trị tính theo đơn giá của Hợp đồng thì Bên B phải bồi thường phần giá trị chênh lệch.

**f.** Thanh, quyết toán cho Bên B theo đúng Điều 5 của Hợp đồng.

**6.2. Trách nhiệm Bên B:**

**a.** Lập Biện pháp thi công trình Bên A phê duyệt trước khi tiến hành thi công.

**b.** Tổ chức thi công đảm bảo an toàn tuyệt đối cho người, thiết bị trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu để xảy ra mất an toàn lao động phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Trong quá trình thi công, nếu Bên B làm mất hoặc hư hỏng tài sản của Bên A (*xác nhận nguyên nhân gây hư hỏng, mất mát do lỗi của Bên B)* thì Bên B phải đền bù 100% giá trị tài sản bị mất hoặc bị thiệt hại do hư hỏng theo giá trị tại thời điểm.

**c.** Cung cấp toàn bộ vật tư chính (đối với việc gia công các sym chèn), vật tư phụ, nhân công, máy thi công và các chi phí khác có liên quan để hoàn thành công việc được giao.

**d.** Chấp hành nghiêm chỉnh nội qui của Bên A, đảm bảo an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ. Nếu Bên B vi phạm phải khắc phục, bồi thường các thiết hại có liên quan và bị xử phạt theo nội qui hiện hành của Bên A và của Pháp luật.

**e.** Hoàn thành toàn bộ công việc được giao nêu tại Điều 1; đảm bảo chất lượng, yêu cầu kỹ thuật nêu tại Điều 2 và tiến độ nêu tại Điều 3 của Hợp đồng.

**f.** Bảo hành chất lượng công việc sửa chữa thiết bị theo Điều 8 của Hợp đồng.

**g.** Cam kết thực hiện nghiêm chỉnh các nội dung của Hợp đồng; không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng hoặc giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

**Điều 7. Phạt vi phạm Hợp đồng và bồi thường thiệt hại:**

**7.1. Phạt do vi phạm Hợp đồng:**

Trường hợp Bên B hoàn thành công việc chậm so với qui định trong Hợp đồng, thì Bên B sẽ phải chịu phạt 1,0% giá trị Hợp đồng/01 ngày chậm và thời gian chậm không quá 02 ngày. Nếu Bên B chậm quá 02 ngày, Bên A có quyền dừng thi công và mời Nhà thầu khác vào thực hiện hoặc tự thực hiện. Nếu giá trị phần công việc do Bên A thuê Nhà thầu

khác thực hiện lớn hơn giá trị tính theo đơn giá trong Hợp đồng này thì Bên B phải bồi thường trả cho Bên A phần giá trị phần chênh lệch đó, khi Hai Bên quyết toán Hợp đồng, ngoài ra, B còn phải bồi thường các thiệt hại khác do việc thi công chậm tiến độ theo quy định tại Khoản 7.2 Điều 7 của Hợp đồng.

**7.2. Bồi thường thiệt hại:**

Ngoài việc Bên B phải bồi thường thiệt hại do Bên B thi công chậm quá thời gian qui định, dẫn đến Bên A phải thuê Nhà thầu khác với giá cao hơn như nêu tại Khoản 7.1 – Điều 7 của Hợp đồng nêu trên, thì khi Bên A bị thiệt hại do Bên B thi công chậm quá thời gian qui định, hoặc khi Bên B không thực hiện đầy đủ trách nhiệm trong thời gian bảo hành theo qui định....làm ảnh hưởng đến sản xuất và gây thiệt hại cho Bên A thì Bên B còn phải có trách nhiệm bồi thường các thiệt hại do Bên B gây ra. Mức bồi thường thiệt hại sẽ được tính toán trên cơ sở giá trị thiệt hại Bên B gây ra và sẽ do Hai Bên thỏa thuận.

**Điều 8. Bảo hành:**

**8.1.** Bảo hành chất lượng công tác sửa chữa trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày thiết bị được đưa vào sử dụng. Trong thời gian bảo hành, nếu xảy ra hư hỏng do lỗi của Bên B thì sau khi nhận được thông báo của Bên A, chậm nhất không quá 02 ngày, Bên B bằng kinh phí của mình phải sửa chữa, khắc phục kịp thời, không làm ảnh hưởng đến sản xuất của Bên A. Thời gian khắc phục, sửa chữa Hai Bên sẽ cùng xem xét và thống nhất tùy theo mức độ hư hỏng của thiết bị, nhưng không chậm hơn 05 ngày, kể từ ngày tiến hành khắc phục, sửa chữa.

**8.2.** Nếu sau 02 ngày, kể từ ngày Bên A thông báo cho Bên B mà Bên B không tiến hành khắc phục, sửa chữa thì Bên A sẽ tiến hành khắc phục, sửa chữa. Khi đó mọi chi phí khắc phục, sửa chữa Bên A sẽ khấu trừ vào số tiền còn giữ lại để bảo hành. Nếu số tiền giữ lại bảo hành không đủ, Bên B phải chi trả cho Bên A..

**Điều 9. Điều khoản chung:**

**9.1.** Hai Bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ghi trong Hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện nếu có vấn đề phát sinh hoặc vướng mắc Hai Bên sẽ thông báo cho nhau và cùng bàn bạc giải quyết. Trường hợp phát sinh vướng mắc Hai Bên không tự giải quyết được, sự việc sẽ được đưa ra Tòa án kinh tế để giải quyết. Bên vi phạm sẽ chịu mọi án phí.

**9.2.** Hai Bên không được đơn phương tạm dừng hoặc hủy bỏ Hợp đồng này; Bên B không được giao Hợp đồng cho một Bên thứ ba thực hiện mà không được Bên A đồng ý.

**9.3.** Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản để cùng thực hiện.

| **ĐẠI DIỆN BÊN A** | **ĐẠI DIỆN BÊN B** |
|---|---|
| **Nguyễn Quang Huy** | **Họ, tên** |
| Tổng giám đốc | Chức vụ |